

Bản án số: 78/2026/HSST

Ngày: 04/02/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- + Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thanh Tú
Thẩm phán: Bà Chủ Phương Ngọc
+ Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Hoài Nam
2. Ông Bùi Văn Xuyên
3. Bà Trần Thị Dung

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Từ Khánh Duy – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Trần Thị Trân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 960/2025/HSST ngày 31/12/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2026/QĐST-HS ngày 05/1/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/QĐ-HPT ngày 26/1/2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị G (tên gọi khác: Không), sinh năm 1980 tại thành phố Hà Nội; Giới tính: Nữ; CCCD số 001180008034; ĐKNKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: căn hộ số 3B tầng 11 nhà A tầng, tổ A phường C, quận N (nay là phường T), thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH V4; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Trung D, sinh năm 1950 và con bà: Trần Thị T, sinh năm 1957; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 01; Có chồng là Nguyễn Văn T1, sinh năm 1979; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2013; D1 chỉ bản số 639 lập ngày 7/10/2024; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/10/2024; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01 – Công an thành phố H; Có mặt tại phiên tòa.

***Người bào chữa cho bị cáo:**

1. Ông Nguyễn Anh T2 – Luật sư thuộc Công ty L1 – Đoàn luật sư thành phố H – Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Nguyễn Quang V – Luật sư thuộc Công ty L1 – Đoàn luật sư thành phố H – Có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại: Công ty TNHH V4**

Trụ sở: Số A phố Đ, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Quách Tấn C – Giám đốc

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại:

1. Ông Nguyễn Hải V1 – Luật sư thuộc Công ty L2 – Đoàn luật sư thành phố H – Có mặt tại phiên toà.

2. Ông Lê Đức N – Luật sư thuộc Công ty L2 – Đoàn luật sư thành phố H – Vắng mặt tại phiên toà, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty TNHH G1

Trụ sở: Tầng F tòa nhà T phố D, phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Thanh C1 – Giám đốc

Vắng mặt tại phiên toà, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc H

Địa chỉ: thôn T, xã T, Hà Nội

Vắng mặt tại phiên toà, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Công ty TNHH D2

Trụ sở: Số A, Lô A, T, phường H, thành phố Hải Phòng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn S – Giám đốc

Vắng mặt tại phiên toà, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Công ty TNHH Ô

Trụ sở: Số F đường H, khu T, xã P, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hà A – Giám đốc

Vắng mặt tại phiên toà

5. Công ty TNHH T6

Trụ sở: Số G đường Đ, phường C, thành phố Hải Phòng

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Hồng T3 – Giám đốc

Vắng mặt tại phiên toà

6. Công ty TNHH Ô1

Trụ sở: Số B, Tổ H, KP M, phường P, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T4 – Giám đốc

Vắng mặt tại phiên toà

7. Công ty TNHH T7

Trụ sở: Cụm C, xã T, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang H1 – Giám đốc

Vắng mặt tại phiên toà

8. Ông Quách Tấn C, sinh năm 1971

Trú tại: Số A phố Đ, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

Vắng mặt tại phiên toà, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

I. Pháp nhân Công ty và hoạt động của Chi nhánh:

1. Pháp nhân Công ty TNHH Vina Quốc tế vận chuyển Hoàng Đế

Công ty TNHH Vina Quốc tế vận chuyển Hoàng Đế (gọi tắt là Công ty V4) được Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102042478 lần đầu ngày 29/8/2006, địa chỉ trụ sở tại: Số A đường N, phường N, quận A, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật là ông Quách Tấn C – Giám đốc; Vốn điều lệ: 1.100.000.000 đồng; Thành viên góp vốn gồm: Ông Quách Tấn C chiếm 72,7%, ông Giang Vĩnh T5 (sinh năm: 1960; trú tại: Số A đường N, phường A, quận H, thành phố Hồ Chí Minh) chiếm 27,3%; Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải...

Ngày 20/9/2006, Hội đồng thành viên Công ty V4 gồm ông Quách Tấn C và ông Giang Vĩnh T5 họp và thống nhất thành lập Chi nhánh Công ty V4. Cùng ngày, Hội đồng thành viên Công ty V4 ban hành Quyết định số 03 về việc lập Chi nhánh Công ty V4 tại địa chỉ: Nhà A, số A phố N, phường G, quận B, thành phố Hà Nội. Người đứng đầu chi nhánh là: Nguyễn Thị G (sinh năm: 1980; ĐKKHKT: Thôn Đ, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội).

Ngày 20/9/2006, ông Quách Tấn C ký Thông báo lập Chi nhánh số 04 gửi Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H về việc lập Chi nhánh Công ty V4, Giám đốc chi nhánh là Nguyễn Thị G.

2. Pháp nhân Chi nhánh Công ty TNHH V4

Chi nhánh Công ty TNHH V4 (gọi tắt là Chi nhánh Công ty V4) được Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0112028524, lần đầu ngày 12/10/2006, địa chỉ tại: Nhà A, Số A phố N, phường G, quận B, thành phố Hà Nội; Người đứng đầu chi nhánh là: Nguyễn Thị G; Hoạt động Chi nhánh theo ủy quyền của Công ty V4, trong lĩnh vực: Giao nhận hàng hóa, vận tải... Ngày 20/9/2006, ông Quách Tấn C ký Quyết định số 060928 bổ nhiệm Nguyễn Thị G làm Giám đốc chi nhánh.

Tại Điều 2 Quyết định trên nêu quyền và nghĩa vụ: *Giám đốc chi nhánh tổ chức điều hành hoạt động của chi nhánh công ty theo quyết định của Hội đồng thành viên công ty và theo luật hiện hành... Khi chi nhánh có nhu cầu về vốn, Giám đốc chi nhánh có quyền đứng ra ký kết hợp đồng tín dụng với ngân hàng. Được phép thế chấp, mua bán với tài sản thuộc quyền sở hữu của chi nhánh công ty..... Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của chi nhánh để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác....*

Chi nhánh Công ty V4 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 10/5/2007, trụ sở tại: số E phố K, phường K, quận B, thành phố Hà Nội, do Nguyễn Thị G là người đứng đầu chi nhánh.

Trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của Chi nhánh công ty V4, xét Chi nhánh cần vốn, ngày 24/5/2015, tại Văn phòng chi nhánh, thành viên Công ty gồm: ông Quách Tấn C, ông Giang Vĩnh T5 và đại diện Chi nhánh Công ty V4 là Nguyễn Thị G cùng ký Biên bản ủy quyền vay vốn với nội dung:

1. Phát hành bảo lãnh, vay vốn, mở L tại ngân hàng SI phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Đồng ý cho Nguyễn Thị G - Giám đốc chi nhánh dùng các tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty (kể cả các tài sản bằng tiền và nguồn thu) làm tài sản thế chấp/cầm cố hoặc nhận bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba để bảo đảm cho

các nghĩa vụ trả nợ của chi nhánh công ty tại ngân hàng S1. Cam kết dùng toàn bộ nguồn thu và tài sản công ty và các cá nhân thành viên công ty để ưu tiên trả nợ S1.

3. Ủy quyền cho Nguyễn Thị G – Giám đốc chi nhánh được thay mặt chi nhánh công ty ký kết toàn bộ các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ... các văn bản khác có liên quan với S1 trong suốt quá trình phát sinh các mối quan hệ giao dịch....

Quá trình điều hành hoạt động của Chi nhánh Công ty V4, Nguyễn Thị G đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao làm Giám đốc Chi nhánh làm giả tài liệu và chiếm đoạt tài sản để sử dụng vào mục đích cá nhân. Hành vi phạm tội của Nguyễn Thị G cụ thể như sau:

II. Hành vi Làm giả tài liệu của Nguyễn Thị G để thay đổi pháp nhân Công ty TNHH GTL Hà Nội

Công ty TNHH GTL Hà Nội (gọi tắt là Công ty G1) được Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 0107812131, đăng ký lần đầu ngày 19/4/2017; đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 19/5/2017; địa chỉ tại: Tầng F Tòa nhà T, số A, phố D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội, do ông Nguyễn Thanh C1 (sinh năm: 1983, em trai Nguyễn Thị G) làm Giám đốc, người đại diện theo pháp luật. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 đồng. Thành viên góp vốn gồm: ông Nguyễn Thanh C1 và ông Quách Tấn C.

Năm 2019, mặc dù Nguyễn Thị G không là thành viên góp vốn tại Công ty G1, bản thân ông Nguyễn Thanh C1 bất đồng với ông Quách Tấn C nên ông C1 muốn thay đổi thành viên góp vốn từ ông C sang cho ông Nguyễn Văn C2 (sinh năm: 1989, trú tại: Thôn M, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội) là người quen của ông C1. Ông C1 trao đổi với G muốn xin chữ ký của ông C về việc chuyển nhượng cổ phần trong Công ty G1 nhưng C1 ngại ông C không đồng ý. G nói để G xử lý và làm thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh của Công ty G1 giúp ông C1. Sau đó, G đã tự chủ động soạn thảo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01 ngày 19/03/2019 và Biên bản thanh lý Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01 ngày 19/03/2019, nội dung thể hiện ông Quách Tấn C đã chuyển nhượng vốn góp cho ông Nguyễn Văn C2. Ông C1 ký tên và đóng dấu Công ty G1 xác nhận trên tài liệu này. Tiếp đến, G tự ký giả chữ ký của ông Quách Tấn C trên Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01 ngày 19/03/2019 và Biên bản thanh lý Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01 ngày 19/03/2019. Việc G ký giả chữ ký của ông Quách Tấn C, C1 không biết và cũng không được G bàn, trao đổi lại với C1. Sau đó, G làm thủ tục thay đổi thành viên góp vốn tại Công ty G1. Đến ngày 29/3/2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H đã cấp Giấy phép thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ hai chuyển từ thành viên góp vốn là ông Quách Tấn C sang cho ông Nguyễn Văn C2.

Cơ quan điều tra đã thu thập được Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01 ngày 19/03/2019, Biên bản thanh lý Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01 ngày 19/03/2019 (Bản gốc) của Công ty TNHH G1 nộp lên Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H về việc thay đổi thành viên trong Giấy phép đăng ký kinh doanh từ ông Quách Tấn C chuyển sang cho ông Nguyễn Văn C2.

*Tại Bản kết luận giám định số 3443 ngày 02/8/2023 của Phòng K - Công an thành phố H kết luận: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Quách Tấn C

trên các mẫu cần giám định Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp và Biên bản thanh lý vốn góp (ngày 19/03/2019); Biên bản họp hội đồng thành viên đề ngày 18/4/2018 với chữ ký thực nghiệm do Nguyễn Thị G ký trên các mẫu so sánh có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không?

*Tại Bản kết luận giám định số 7969 ngày 08/11/2023 của V5 - Bộ C3 kết luận: Chữ ký đứng tên Quách Tấn C dưới các mục “Bên chuyển nhượng” trên Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp và Biên bản thanh lý vốn góp (ngày 19/03/2019); “Chủ tọa” và “Chữ ký các thành viên góp vốn” trên Biên bản họp hội đồng thành viên so với chữ ký đứng tên Quách Tấn C do Nguyễn Thị G ký trên các mẫu so sánh do cùng một người ký ra.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra xác định Nguyễn Thị G còn có hành vi ký giả chữ ký của ông Quách Tấn C và làm giả con dấu của Công ty V4 xác nhận trên Biên bản họp Hội đồng thành viên. Cụ thể: Năm 2017, do cần tiền để Chi nhánh Công ty V4 hoạt động, Nguyễn Thị G đã làm hồ sơ vay tín chấp tại Ngân hàng TMCP V6 (V7). Ngân hàng yêu cầu phải có văn bản ủy quyền hoặc Biên bản họp Hội đồng thành viên của Công ty V4 đồng ý cho G – đại diện Công ty vay tiền tại Ngân hàng V7. Để hoàn tất thủ tục vay vốn ngân hàng V7, G không liên hệ báo cáo với ông Quách Tấn C – Giám đốc Công ty V4, mà G đã tự làm giả Biên bản họp Hội đồng thành viên của Công ty V4 vào ngày 18/4/2018 với nội dung: Hội đồng thành viên chấp thuận vay 03 tỷ đồng của ngân hàng V7 để bổ sung vốn lưu động kinh doanh; Giao cho Nguyễn Thị G thay mặt công ty thực hiện ký kết hợp đồng cho vay...

Để làm giả Biên bản họp Hội đồng thành viên của Công ty V4 ngày 18/4/2018, G đã thực hiện với cách thức sau: G tự soạn thảo Biên bản họp hội đồng thành viên ngày 18/4/2018, sau đó G lấy mẫu chữ ký của ông Quách Tấn C, ông Giang Vĩnh T5, tập ký giả chữ ký của ông C và ông T5. Sau khi G đã tập ký giả được chữ ký của ông C và ông T5. G đến cửa hàng bán máy scan màu (không xác định được địa chỉ cửa hàng) mua 01 máy scan màu với giá hơn 01 triệu đồng và mang máy scan màu về phòng làm việc của G tại Chi nhánh Công ty V4 ở số E phố K, phường K, quận B, thành phố Hà Nội. Đợi khi nhân viên Chi nhánh công ty ra về hết, G thực hiện in 01 Biên bản họp Hội đồng thành viên ra ký giả chữ ký của ông Quách Tấn C, ông Giang Vĩnh T5 trên đó. G đưa Biên bản họp HĐTV đã làm giả lên máy scan màu, tiến hành scan hình dấu của Công ty V4 lên chữ ký của ông Quách Tấn C, in chèn dấu giáp lai lên các trang biên bản họp. Sau khi đã làm xong Biên bản họp HĐTV giả, G chuyển cho cán bộ Ngân hàng V7 để làm thủ tục cho vay. Ngày 24/5/2018, Ngân hàng V7 – Chi nhánh T8 đã ký hợp đồng cho vay số 190515-653306 với Nguyễn Thị G – Giám đốc Chi nhánh Công ty V4, số tiền vay là 03 tỷ đồng, thời hạn vay đến ngày 24/5/2021. Tuy nhiên, ngày 22/5/2020, Chi nhánh Công ty V4 đã nộp tiền tất toán toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng cho vay số 190518 – 653306 -01 – SME ký ngày 24/5/2018. Việc G vay tiền Ngân hàng V7, ông C, ông T5 không được G báo cáo và cũng không đồng ý cho G vay tiền ngân hàng V7.

* Tại Bản kết luận giám định số 3069 ngày 16/4/2021 của Phòng K - Công an thành phố H kết luận: Hình dấu tròn Công ty TNHH V4 và chữ ký đứng tên Quách Tấn C trên Biên bản họp HĐTV của Công ty TNHH V4 ngày 18/4/2018 với hình dấu tròn mẫu và chữ ký mẫu không phải do cùng một con dấu đóng ra,

không phải là chữ do cùng một người ký ra. Chữ ký đứng tên Giang Vĩnh T5 trên mẫu giám định không phải là chữ do cùng một người ký ra.

* Tại Bản kết luận giám định số 7969 ngày 08/11/2023 của V5 - Bộ C3 kết luận: Chữ ký đứng tên Quách Tấn C dưới các mục “Chữ ký các thành viên góp vốn” so với chữ ký đứng tên Quách Tấn C do Nguyễn Thị G ký trên các mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

* Ngày 11/10/2023, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho G thực nghiệm điều tra về việc làm giả Biên bản họp HĐQT ngày 18/4/2018 và xác định G đã thực hiện được như nội dung khai tại Cơ quan điều tra.

* Ngân hàng TMCP V6 cung cấp tài liệu liên quan đến hồ sơ vay vốn của Nguyễn Thị G: Hợp đồng cho vay số 190518 – 653306 – 01 – SME ngày 24/5/2018 giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP V6 – Chi nhánh T8 và bên vay là Công ty TNHH V4 - chi nhánh Công ty TNHH V4 - đại diện là Nguyễn Thị G – Giám đốc chi nhánh, số tiền cho vay là 03 tỷ đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh logistic (thanh toán cước phí vận chuyển cho các hãng tàu, thanh toán lương.....), giải ngân nhiều lần.

* Ngày 22/5/2020, Phòng xử lý nợ V7 có văn bản xác nhận: Ngày 22/5/2020, Chi nhánh Công ty V4 đã nộp tiền tất toán toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng cho vay số 190518 – 653306 -01 – SME ký ngày 24/5/2018.

* Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0112028524, đăng ký lần đầu ngày 12/10/2006; đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 10/5/2007, người đứng đầu chi nhánh là Nguyễn Thị G; đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 19/7/2019, người đứng đầu chi nhánh là Trần Hoàng Q (sinh năm: 1973). Chi nhánh đăng ký tạm ngừng hoạt động từ ngày 18/5/2021 đến ngày 17/5/2022.

Nhận thấy, mặc dù Nguyễn Thị G có hành vi làm giả Biên bản họp hội đồng thành viên của Công ty TNHH V4 ngày 18/4/2018 để đảm bảo thủ tục vay 03 tỷ đồng của ngân hàng V7, tuy nhiên khoản vay này đã được tất toán trước hạn nên xác định không có thiệt hại. Do vậy không xử lý hình sự đối với hành vi này của Nguyễn Thị G về làm giả, con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức.

III. Hành vi Tham ô tài sản của Nguyễn Thị G.

Căn cứ vào Biên bản ủy quyền vay vốn ngày 24/5/2015 do ông Quách Tấn C, ông Giang Vĩnh T5 ký ủy quyền cho Nguyễn Thị G. Để có tiền mua xe ô tô, trong thời gian từ ngày 12/6/2015 đến ngày 25/6/2015, Nguyễn Thị G đã ký 02 Hợp đồng tín dụng với ngân hàng S1 – Chi nhánh T9 - phòng G2 vay tiền mua xe, cụ thể:

1. Ngày 12/6/2015, Nguyễn Thị G - đại diện Chi nhánh Công ty V4 ký Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 071/2015 vay 1.190.000.000 đồng để thanh toán tiền mua xe ô tô BKS: 29C-497.60 của Công ty T10; thời hạn vay 60 tháng, tài sản đảm bảo khoản vay là xe ô tô BKS: 29C-497.60. Ngày 25/6/2015 ngân hàng S1 đã giải ngân vào tài khoản công ty T10 thanh toán số tiền Chi nhánh Công ty V4 vay mua xe là 1.190.000.000 đồng.

2. Ngày 25/6/2015, Nguyễn Thị G - đại diện Chi nhánh Công ty V4 ký Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 078/2015 vay 1.386.000.000 đồng để thanh toán tiền mua xe ô tô BKS: 29C-524.86 của công ty T10; thời hạn vay 60 tháng, tài sản đảm bảo khoản vay là xe ô tô BKS: 29C-524.86. Ngày 25/6/2015 ngân hàng S1

đã giải ngân vào tài khoản công ty T10 thanh toán số tiền Chi nhánh Công ty V4 vay mua xe là 1.386.000.000đồng.

Căn cứ vào Biên bản uỷ quyền vay vốn, Ngân hàng S1 đã giải ngân cho G vay tiền để mua 02 xe ô tô trên.

Để chiếm đoạt tài sản của Chi nhánh Công ty V4 và của chính Công ty V4, Nguyễn Thị G đã thực hiện với phương thức và thủ đoạn:

Nguyễn Thị G thực hiện việc chuyển nhượng tài sản là 02 xe ô tô trên cho Công ty G1 thông qua các Hợp đồng mua bán giữa Nguyễn Thị G – Giám đốc Chi nhánh Công ty V4 với Nguyễn Thanh C1 - Giám đốc Công ty G1. G chỉ đạo nhân viên là Nguyễn Thị V2 rút tiền, chuyển từ Chi nhánh Công ty V4 vào tài khoản của Công ty G1; sau đó, Công ty G1 chuyển khoản tiền trả lại vào tài khoản của Chi nhánh Công ty V4 để G chiếm đoạt. Cụ thể:

*Đối với xe ô tô BKS: 29C-524.86: Ngày 28/3/2019 Chi nhánh Công ty V4 đã bán cho Công ty G1 với giá 1.100.000.000 đồng. Ngày 19/4/2019, Nguyễn Thị G đã chuyển từ tài khoản số 0771100534009 của Chi nhánh Công ty V4 vào tài khoản số 0770102056008 của Nguyễn Thị V2 mở tại ngân hàng M số tiền 550.000.000 đồng (lần 1 chuyển 80.000.000 đồng; lần 2 chuyển 470.000.000 đồng). Cùng ngày 19/4/2019, V2 chuyển khoản vào tài khoản số 0081101057003 của Công ty G1 tổng số tiền là 454.000.000 đồng (lần 1: 374.000.000 đồng; lần 2: 80.000.000 đồng). Số tiền còn lại là 96.000.000 đồng, V2 rút ra bằng tiền mặt đưa lại cho G. Trong ngày 19/4/2019, Công ty G1 chuyển khoản số tiền 350.000.000 đồng vào tài khoản số 1005197920 của Chi nhánh Công ty V4 mở tại Ngân hàng S1, nội dung: Công ty TNHH G1 thanh toán tiền mua xe BKS: 29C-524.86. Còn lại ông C1 – Giám đốc của Công ty G1 vay Ngân hàng T11 số tiền 604.000.000 đồng, ngân hàng T11 giải ngân chuyển số tiền này trả cho khoản vay mua xe của Chi nhánh Công ty V4 tại ngân hàng S1; Còn lại 146.000.000 đồng, C1 khai đã trả bằng tiền mặt nhưng không có tài liệu chứng minh. Ngày 30/10/2020, Công ty G1 bán xe BKS: 29C-524.86 cho Công ty D2 với giá 550.000.000 đồng; Ngày 31/10/2020, Công ty D2 bán lại cho công ty Ô với giá 550.000.000 đồng; Ngày 18/11/2020 Công ty Ô bán lại cho Công ty Ô1 với giá 555.000.000 đồng.

* Đối với xe ô tô BKS: 29C – 497.60: Chi nhánh công ty V4 bán cho Công ty G1 với giá 800.000.000 đồng. Ngày 25/4/2019, Nguyễn Thị G chuyển từ tài khoản số 0771100534009 của Chi nhánh Công ty V4 vào tài khoản số 0770102056008 của Nguyễn Thị V2 mở tại ngân hàng M số tiền 583.000.000đồng (lần 1: 230.000.000 đồng; lần 2: 270.000.000 đồng; lần 3: 83.000.000 đồng). Cùng ngày 25/4/2019, V2 chuyển vào tài khoản số 0081101057003 của Công ty G1 tổng số tiền là 480.000.000 đồng (lần 1: 210.000.000 đồng; lần 2: 270.000.000 đồng). Số tiền còn lại là 103.000.000 đồng, V2 rút ra bằng tiền mặt đưa lại cho G. Ngày 25/4/2019, sau khi C1 nhận 480.000.000 đồng từ Chi nhánh công ty V4, cùng ngày 25/4/2019, Công ty G1 đã chuyển khoản số tiền 273.000.000 đồng vào tài khoản số 1005197920 của Chi nhánh Công ty V4 mở tại ngân hàng S1, nội dung: Công ty G1 thanh toán tiền mua xe BKS: 29C – 497.60 (trước đó vào ngày 24/4/2019, tài khoản tại Ngân hàng M của Công ty G1 chỉ có 2.018.106 đồng). Còn lại C1 vay Ngân hàng T11 số tiền 468.000.000 đồng, ngân hàng T11 giải ngân chuyển số tiền này trả cho ngân hàng S1 do Chi nhánh Công ty V4 vay để mua xe. Ngày 04/5/2019, công ty G1 đã làm thủ tục sang tên; còn lại 59.000.000

đồng, C1 khai đã trả bằng tiền mặt cho Chi nhánh công ty V4 nhưng không có tài liệu chứng minh; Ngày 30/10/2020 Công ty G1 đã bán cho Công ty D2 với giá 380.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định, việc điều hành mọi hoạt động của Chi nhánh công ty V4 và của Công ty G1 đều do Nguyễn Thị G chỉ đạo, quản lý. Trong các ngày 19/4/2019, ngày 25/4/2019, Nguyễn Thị G đã có hành vi chỉ đạo nhân viên là Nguyễn Thị V2 rút số tiền 1.133.000.000 đồng từ tài khoản của Chi nhánh Công ty V4 ra để sử dụng và chiếm đoạt. Ngoài ra, Nguyễn Thị G còn có hành vi chiếm đoạt số tiền 741.000.000 đồng trong việc mua bán xe với Công ty G1 mà không chuyển nhập quỹ Chi nhánh Công ty V4 số tiền này để sử dụng cho mục đích cá nhân.

* Ngân hàng M – Chi nhánh Đ, Phòng G3 cung cấp: Sao kê tài khoản số 0771100534009 của Chi nhánh Công ty V4 do Nguyễn Thị G làm Giám đốc mở tại ngân hàng M thể hiện: Giao dịch có nội dung Nguyễn Thị V2 rút tiền từ tài khoản Chi nhánh Công ty V4 số tài khoản 0771100534009 mở tại ngân hàng M - Phòng G3 ngày 19/4/2019, ngày 25/4/2019 thực hiện chuyển khoản trên Internet Banking của Công ty vào tài khoản cá nhân Nguyễn Thị V2.

Tài liệu Công ty V4 thể hiện:

- Chi nhánh Công ty V4 đã chuyển nhượng cho Công ty G1 01 xe đầu kéo ISUZU màu trắng, BKS: 29C – 524.86 với giá 1.100.000.000 đồng;

- Chi nhánh Công ty V4 đã chuyển nhượng cho Công ty G1 01 xe đầu kéo ISUZU màu trắng, BKS: 29C – 497.60 với giá 800.000.000 đồng;

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 4616 ngày 29/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản quận H, thành phố Hà Nội kết luận: Trị giá tại thời điểm ngày 28/3/2019: Xe đầu kéo BKS: 29C – 524.86 trị giá 960.000.000 đồng; Xe đầu kéo BKS: 29C – 497.60 trị giá 780.000.000 đồng. Tổng trị giá là 1.740.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét nơi ở của Nguyễn Thị G tại Phòng CH3B T11 nhà A tầng, tổ A phường C, quận N, thành phố Hà Nội, kết quả không thu giữ được tài liệu liên quan trong vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, ông Quách Tấn C trình bày: Nhằm đảm bảo nguồn vốn lưu động cho Chi nhánh, Công ty đã đồng ý ủy quyền vay vốn cho Nguyễn Thị G thực hiện. Đồng thời Hội đồng thành viên Công ty đã cam kết dùng toàn bộ nguồn thu, tài sản của Công ty, tài sản của các thành viên Công ty (G không là thành viên HĐQT Công ty) và tài sản bảo lãnh của bên thứ ba để ưu tiên trả nợ cho ngân hàng S1. Việc G là Giám đốc đã tự ý bán và chiếm đoạt tài sản mà không báo cáo Công ty. Từ năm 2016, G chậm báo cáo hoạt động tài chính của Chi nhánh. Ông C yêu cầu G bàn giao toàn bộ tài sản, tiền, sổ quỹ ghi chép hoạt động của Chi nhánh nhưng G không bàn giao. Ngày 06/6/2019, G làm đơn xin nghỉ việc. Ông C đã yêu cầu Công ty K1 thực hiện việc kiểm toán đối với hoạt động của Chi nhánh Công ty V4 thời gian từ ngày 01/01/2014 đến ngày 21/8/2019.

Quá trình điều tra, ông C cung cấp tài liệu: Ngày 20/3/2020 Công ty K1 đã ban hành kết quả kiểm toán số 68A, nội dung nhận định: *số dư tiền mặt trên sổ sách và thực tế sẽ không khớp nhau, công ty kiểm toán không có các biên bản kiểm kê tiền mặt tại các ngày kết thúc niên độ, biên bản giao nhận tiền mặt tại ngày bàn giao lại hồ sơ cho công ty. Tại thời điểm kiểm tra không thấy sự hiện hữu của tài sản cũng như các biên bản kiểm kê tài sản cố định tại ngày kết thúc niên độ...*

Như vậy, Nguyễn Thị G đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn là Giám đốc Chi nhánh Công ty V4, chủ tài khoản để chiếm đoạt số tiền 1.874.000.000 đồng của Công ty V4.

Trong các ngày 27/02/2025, 18/4/2025, 28/4/2025 và 09/5/2025 bà Nguyễn Thị Ngọc H (là em gái Nguyễn Thị G) đã nộp khắc phục hậu quả thay cho Nguyễn Thị G, với tổng số tiền là 623.000.000 đồng.

Đối với ông Nguyễn Thanh C1 không cùng Nguyễn Thị G tham gia ký giả chữ ký của ông Quách Tấn C trên Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01 ngày 19/03/2019, Biên bản thanh lý Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01 ngày 19/03/2019, cũng không biết việc G đã ký giả chữ ký của ông Quách Tấn C, không biết việc G chiếm đoạt tiền của Công ty V4 nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với Nguyễn Thanh C1.

Đối với Nguyễn Thị V2 đã thực hiện việc chuyển tiền vào tài khoản của Công ty G1 là do Nguyễn Thị G chỉ đạo. V2 không biết mục đích chiếm đoạt của G, không được hưởng lợi nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với Nguyễn Thị V2.

Đối với Nguyễn Văn C2 không tham gia ký giả chữ ký của ông Quách Tấn C tại Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01 ngày 19/03/2019, Biên bản thanh lý Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01 ngày 19/03/2019, không biết việc G chiếm đoạt tiền của Công ty V4 nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với Nguyễn Văn C2.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Nguyễn Thị G phải bồi thường số tiền còn chiếm đoạt cho Công ty V4 là 1.251.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 131/CT – VKSHN – P3 ngày 10/3/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị G về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 61 ngày 9/6/2025, Toà án nhân dân thành phố Hà Nội đã trả hồ sơ, yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội điều tra bổ sung làm rõ những nội dung sau:

1. Trong thời gian làm Giám đốc chi nhánh của Công ty TNHH V4 (viết tắt là Công ty V4) bị cáo Nguyễn Thị G đã thực hiện hành vi chuyển nhượng không được sự cho phép của Công ty V4 03 chiếc xe ô tô và 04 rơ moóc gồm: xe ô tô BKS: 29 C-497.60, xe ô tô BKS: 29 C- 524.86, xe ô tô BKS: 29 C-526.11, R – móóc BKS: 29R-044.52; Rơmoóc BKS: 29R-044.65; Rơmoóc BKS: 29R-042.81; Rơ – móóc BKS: 29R-042.97. Hiện những tài sản này không thu hồi được. Theo Kết luận điều tra xác định giá trị của 07 chiếc xe ô tô và R – móóc nêu trên là 3.040.000.000 đồng trong đó có 2.299.000.000 đồng thanh toán từ tài khoản của Công ty TNHH G1 (viết tắt là Công ty G1) đến tài khoản của Chi nhánh Công ty V4 và 741.000.000 đồng Công ty G1 trả bằng tiền mặt cho Chi nhánh Công ty V4. Ngoài hành vi tự ý bán tài sản của Công ty, bị cáo còn trực tiếp rút tiền của Chi nhánh Công ty V4, chuyển khoản cho kế toán Nguyễn Thị V3 và chỉ đạo V3 rút tiền 02 lần với tổng số tiền là 1.133.000.000 đồng (lần 1 là 550.000.000 đồng, lần 2 là 583.000.000 đồng). Số tiền này sau đó được dùng một phần để chuyển vào tài khoản của Công ty G1 để thanh toán tiền mua xe của Công ty V4, một

phần kế toán chuyên cho bị cáo tiền mặt. Vậy có căn cứ xác định bị cáo chiếm đoạt 02 loại tài sản của Công ty V4 gồm 07 chiếc xe ô tô và R – móc và số tiền 1.133.000.000 đồng rút trái phép từ tài khoản của Chi nhánh Công ty V4. Có căn cứ xác định hành vi Tham ô tài sản của bị cáo Nguyễn Thị G thuộc quy định tại khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 1.000.000.000 đồng trở lên*”.

Đồng thời quá trình điều tra chưa làm rõ số tiền 741.000.000 đồng mà ông Nguyễn Thanh C1 – Giám đốc của Công ty G1 khai trả tiền mua 07 xe ô tô và R – móc cho Chi nhánh Công ty V4 bằng tiền mặt thì được thể hiện tại các tài liệu giao dịch nào? Đây là tình tiết nhằm xác định trách nhiệm hình sự và trách nhiệm bồi thường dân sự của bị cáo cho Công ty V4 chưa được làm rõ.

Do hiện tại 07 chiếc xe ô tô và ro mooc đã chuyển nhượng cho pháp nhân khác. Việc giải quyết xử lý các tài sản này liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của các pháp nhân này nhưng tại giai đoạn điều tra chưa được triệu tập làm rõ.

Về hành vi của ông Nguyễn Thanh C1 – Giám đốc của Công ty G1:

Tại Biên bản hỏi cung ngày 10/10/2024 ông Nguyễn Thanh C1 khai số tiền 623.000.000 đồng dùng để mua xe là do Công ty G1 không có tiền nên nghĩ ra cách lấy tiền từ Chi nhánh của Công ty V4 để chuyển vào, sau đó thanh toán một phần tiền xe. Ông chỉ làm Giám đốc danh nghĩa, bị cáo G, là chị của ông C1 điều hành cả 02 Công ty. Như vậy, có căn cứ xác định ông C1 hoàn toàn biết nguồn tiền mua bán xe ô tô là lấy từ Công ty V4, giữa bị cáo và ông C1 có mối quan hệ chị em ruột. Vì vậy, có căn cứ xác định ông Nguyễn Thanh C1 đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo chiếm đoạt tài sản là 07 chiếc xe ô tô và rơ mooc của Công ty V4.

Đối với hành vi Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, căn cứ vào lời khai của ông Nguyễn Văn C2 (sinh năm 1989, nhân viên của Công ty G1, em họ của ông Nguyễn Thanh C1) thì ông C1 là người nhờ ông C2 đứng tên hộ 15% cổ phần của Công ty G1 chứ ông C2 thực tế không có tiền mua, chưa gặp và liên hệ với ông Quách Tấn C để giao dịch mua cổ phần của ông C tại Công ty G1. Ông C1 là người trực tiếp đưa 02 tài liệu là Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp và Biên bản thanh lý hợp đồng chuyển nhượng vốn góp cho ông C2 ký, ông C2 không nhớ khi đó có chữ ký của ông Quách Tấn C và ông Nguyễn Thanh C1 trong 02 tài liệu này không? Ông Nguyễn Thanh C1 khai xác nhận chữ ký của mình tại 02 tài liệu nêu trên là đúng nhưng không biết ai làm giả chữ ký ông C trong 02 tài liệu này. Như vậy, có căn cứ xác định ông C1 hoàn toàn biết không có sự việc giao dịch chuyển nhượng 15% cổ phần từ ông Quách Tấn C sang ông Nguyễn Văn C2, có dấu hiệu đồng phạm giúp sức với bị cáo về hành vi Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Sau khi điều tra bổ sung, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành bản cáo trạng số 171/CT-VKSHN-P3 ngày 26/12/2025 thay thế cho bản cáo trạng số 131/CT – VKSHN – P3 ngày 10/3/2025, truy tố bị cáo Nguyễn Thị G tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi phân tích tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội cũng như vai trò của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; khoản 1 Điều 341; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị G từ 14 đến 15 năm tù về tội Tham ô tài sản; từ 06 đến 09 tháng tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 14 năm 06 tháng đến 15 năm 09 tháng tù.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Trả lại cho người bị hại số tiền 623.000.000 đồng mà gia đình bị cáo đã nộp khắc phục. Ghi nhận việc gia đình bị cáo đã trực tiếp trả cho người bị hại số tiền chiếm đoạt còn lại. Người bị hại không có yêu cầu gì nên không xem xét.

*Người bào chữa cho bị cáo: Về cơ bản đồng tình với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc nhận thức và sự thiếu hiểu biết pháp luật của bị cáo. Bị cáo được ông C mời về làm Giám đốc Chi nhánh, từ trước đó chưa được đào tạo về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của vị trí Giám đốc doanh nghiệp M1 khi nhận nhiệm vụ thì bị cáo bắt buộc phải biết, thực tế cũng chưa có quy định tiêu chuẩn về trình độ của Giám đốc. Bị cáo không nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật vì cho rằng bản thân là Giám đốc thì được toàn quyền định đoạt tài sản của Công ty, sau khi được giải thích pháp luật thì mới nhận thức được hành vi của mình là chiếm đoạt tài sản của Công ty. Trong quá trình quản lý, điều hành Công ty, ông C cũng vì quá tin tưởng nên thiếu kiểm tra, đôn đốc hoạt động của Chi nhánh. Động cơ, mục đích phạm tội cũng không hoàn toàn vì tư lợi cá nhân, bị cáo cũng có nhiều công sức đóng góp cho hoạt động của Chi nhánh Công ty. Phân tích như vậy để xem xét, đánh giá mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo có mức độ. Bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn, hối cải; đã tác động gia đình giúp khắc phục toàn bộ thiệt hại cho người bị hại; người bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, nghề nghiệp không ổn định; hiện đang nuôi 03 con nhỏ, sống ly thân với chồng; bố mẹ bị cáo già yếu, có công với Cách mạng; bản thân bị cáo có nhiều hoạt động thiện nguyện với cộng đồng được ghi nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất ở khung hình phạt bị cáo bị truy tố. Cụ thể đề nghị đối với tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ; đối với tội Tham ô tài sản thì xử phạt ở mức thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Nhất trí với nội dung truy tố của bản Cáo trạng. Luật sư cho rằng bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi phạm tội của mình, đã thực hiện nhiều thủ đoạn tinh vi khi luân chuyển dòng tiền. Ông C còn là người bị hại đối với hành vi Làm giả con dấu, tài liệu của bị cáo. Luật sư thống nhất với Viện kiểm sát về số tiền quy kết bị cáo đã chiếm

đoạt của Công ty. Đề nghị xem xét áp dụng một mức hình phạt hợp lý cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sớm quay trở về với gia đình.

Lời nói sau cùng : Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi tố tụng của những người tiến hành tố tụng, nên các tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ là hợp pháp.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ đã có đủ cơ sở kết luận:

Năm 2019 Nguyễn Thị G đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao là Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH V4, chủ tài khoản Chi nhánh để tham ô, chiếm đoạt số tiền 1.874.000.000 đồng của Công ty, thông qua hành vi tự ý bán xe ô tô BKS 29C-497.60 và xe ô tô BKS: 29C-524.86 của Công ty cho Công ty TNHH G1. Hành vi này của bị cáo Nguyễn Thị G đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên*”.

Ngoài ra, Nguyễn Thị G còn có hành vi làm giả tài liệu là Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01 ngày 19/3/2019, Biên bản thanh lý hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01 ngày 19/3/2019 Công ty TNHH G1, mục đích để ông Quách Tấn C không còn là cổ đông của Công ty TNHH G1. G đã giả chữ ký của ông Quách Tấn C trong 02 tài liệu nêu trên. Xét hành vi làm giả 02 tài liệu này của bị cáo không phải là thủ đoạn trực tiếp để bị cáo thực hiện hành vi Tham ô tài sản của Công ty V4 vì việc làm giả để ông C không còn là thành viên của Công ty thì cũng không ảnh hưởng đến việc chuyển nhượng 02 xe ô tô giữa Công ty V4 và Công ty G1 do tại thời điểm này ông Nguyễn Thanh C1 là giám đốc Công ty G1 chứ không phải ông Quách Tấn C. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã tác động gia

đình khắc phục trả toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho người bị hại nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tội Tham ô tài sản. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; bị cáo có nhiều hoạt động thiện nguyện được Hội chữ thập đỏ quận N, thành phố Hà Nội xác nhận; gia đình bị cáo có bố đẻ được tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba, Huy chương kháng chiến hạng Nhất, là thương binh hạng IV nên cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với cả 02 tội.

Xét vụ án có tính chất rất nghiêm trọng bởi lẽ: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Ngoài ra với hành vi Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức còn xâm phạm tới trật tự quản lý của Nhà nước, của tổ chức trong việc quản lý, sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tù giam nghiêm khắc nhằm mục đích răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong cộng đồng.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là Công ty TNHH V4 do ông Quách Tấn C là người đại diện xác nhận đã nhận được số tiền do gia đình bị cáo trả trực tiếp là 1.251.000.000 đồng, ngoài ra Công ty được biết bị cáo đã nộp khắc phục tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội số tiền 623.000.000 đồng cho Công ty. Nay Công ty đề nghị được nhận lại số tiền này.

[5] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền 623.000.000 đồng gia đình bị cáo đã nộp hộ bị cáo tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội để khắc phục trả lại cho Công ty được xác định là tiền bị cáo chiếm đoạt của Công ty nên cần trả lại cho Công ty TNHH V4.

[6] Về các vấn đề khác:

- Đối với các Hợp đồng mua bán xe ô tô BKS: 29C-497.60 và xe ô tô BKS: 29C-529.86 giữa Công ty TNHH G1 và Công ty D2. Xét thấy, mặc dù việc bán 02 chiếc xe ô tô từ Công ty V4 cho Công ty G1 là không đúng quy định pháp luật do hành vi tham ô tài sản của bị cáo. Tuy nhiên, hiện nay thiệt hại của Công ty đã được khắc phục toàn bộ bao gồm số tiền mặt chiếm đoạt và giá trị của tài sản đã bị chuyển nhượng trái pháp luật, Công ty V4 không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết đối với các giao dịch dân sự này.

- Đối với Nguyễn Thị V2 đã thực hiện việc chuyển tiền vào tài khoản của Công ty G1 là do Nguyễn Thị G chỉ đạo. V2 không biết mục đích chiếm đoạt của G, không được hưởng lợi nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với Nguyễn Thị V2 là có căn cứ.

- Đối với Nguyễn Văn C2 không tham gia ký giả chữ ký của ông Quách Tấn C tại Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01 ngày 19/03/2019, Biên bản thanh lý Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01 ngày 19/03/2019, không biết việc G chiếm đoạt tiền của Công ty V4 nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với Nguyễn Văn C2 là có căn cứ.

- Đối với hành vi của Nguyễn Thanh C1, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã trả hồ sơ điều tra bổ sung đề nghị xem xét, điều tra làm rõ. Kết quả điều tra bổ sung đánh giá C1 không có hành vi đồng phạm với bị cáo nên không khởi tố, truy tố. Căn cứ khoản 1 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự quy định về Giới hạn của

việc xét xử, Toà án nhân dân thành phố Hà Nội chỉ xét xử đối với bị cáo và tội danh bị Viện kiểm sát truy tố.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị G phạm tội “*Tham ô tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 353; khoản 1 Điều 341; điểm s, (thêm điểm b đối với tội Tham ô tài sản) khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 đối với tội Tham ô tài sản; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự.

*Xử phạt: Nguyễn Thị G 15 (Mười lăm) năm tù về tội Tham ô tài sản; 09 (Chín) tháng tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức. Tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 15 (Mười lăm) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 07/10/2024.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

*Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự: Trả lại cho Công ty TNHH V4 số tiền 623.000.000 (Sáu trăm hai mươi ba triệu) đồng hiện đang lưu giữ tại Thi hành án dân sự thành phố H theo các Biên lai thu tiền số 0068284 ngày 27/2/2025; số 0068870 ngày 18/4/2025; 0068938 ngày 28/4/2025; số 0068986 ngày 09/5/2025.

*Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 mục I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

*Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần quyết định liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án

Nơi nhận:

- CA, VKSND, THADS TP Hà Nội.
- Trại tạm giam số 01- CATP Hà Nội.
- Bị cáo; Người BH; Người có QLNVLQ
- Người bào chữa cho bị cáo.
- UBND nơi BC cư trú
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- CA, VKSND, THADS TP Hà Nội.
- Trại tạm giam số 01- CATP Hà Nội.
- Bị cáo; người có QLNVLQ
- Người bào chữa cho bị cáo.
- UBND nơi BC cư trú
- Lưu HS,VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Tú

a

